

CTY TNHH MTV TM & DV LONG PHÁT THỊNH

Địa chỉ: C13/17 KDC Thuận Giao, KP.Bình Thuận 2, P.Thuận Giao, Tx.Thuận An, BD

ĐT: 06506.256.780

Email :ctylongphatthinh@gmail.com

Web: thepongduevn.com

BẢNG GIÁ THÉP VUÔNG KẼM HÀNG HOÀ PHÁT NGÀY 01 / 06/ 2015

	qui cách	kg/cây	ĐG kg	Đơn giá		qui cách	kg/cây	ĐG kg	Đơn giá
□ 12	7 dem	1.47	16,300	23,961	□ 40	8 dem	5.88	16,300	95,844
	8 dem	1.66	16,300	27,058		9 dem	6.6	16,300	107,580
	9 dem	1.85	16,300	30,155		1.0 ly	7.31	16,300	119,153
□ 14	6 dem	1.5	16,300	24,450		1.1 ly	8.02	16,300	130,726
	7 dem	1.74	16,300	28,362		1.2 ly	8.72	16,300	142,136
	8 dem	1.97	16,300	32,111		1.4 ly	10.11	16,300	164,793
	9 dem	2.19	16,300	35,697		1.5 ly	10.8	16,300	176,040
	1.0 ly	2.41	16,300	39,283		1.8 ly	12.83	16,500	211,695
	1.1 ly	2.63	16,300	42,869		2.0 ly	14.17	16,500	233,805
	1.2 ly	2.84	16,300	46,292		2.5 ly	17.43	16,500	287,595
1.4 ly	3.323	16,300	54,165	3.0 ly	20.57	16,500	Đặt hàng trước		
□ 16	7 dem	2	16,300	32,600	□ 50	1.1 ly	10.09	16,300	164,467
	8 dem	2.27	16,300	37,001		1.2 ly	10.98	16,300	178,974
	9 dem	2.53	16,300	41,239		1.4 ly	12.74	16,300	207,662
	1.0 ly	2.79	16,300	45,477		1.5 ly	13.62	16,300	222,006
	1.1 ly	3.04	16,300	49,552		1.8 ly	16.22	16,500	267,630
	1.2 ly	3.29	16,300	53,627		2.0 ly	17.94	16,500	296,010
□ 20	7 dem	2.53	16,300	41,239		2.5 ly	22.14	16,500	365,310
	8 dem	2.87	16,300	46,781		2.8 ly	24.6	16,500	Đặt hàng trước
	9 dem	3.21	16,300	52,323		3.0 ly	26.23	16,500	Đặt hàng trước
	1.0 ly	3.54	16,300	57,702		□ 60	1.2 ly	13.24	16,300
	1.1 ly	3.87	16,300	63,081	1.4 ly		15.38	16,300	250,694
1.2 ly	4.2	16,300	68,460	1.5 ly	16.45		16,300	268,135	
□ 25	7 dem	3.19	16,300	51,997	1.8 ly		19.61	16,500	323,565
	8 dem	3.62	16,300	59,006	2.0 ly		21.7	16,500	358,050
	9 dem	4.06	16,300	66,178	2.5 ly		26.85	16,500	443,025
	1.0 ly	4.48	16,300	73,024	3.0 ly		31.88	16,500	Đặt hàng trước
	1.1 ly	4.91	16,300	80,033	□ 90	1.8 ly	29.79	16,500	491,535
	1.2 ly	5.33	16,300	86,879		2.0 ly	33.01	16,500	544,665
1.4 ly	6.15	16,300	100,245	2.5 ly		40.98	16,500	676,170	
□ 30	6 dem	3.2	16,300	52,160		2.8 ly	45.7	16,500	754,050
	7 dem	3.85	16,300	62,755	3.0 ly	48.83	16,500	805,695	
	8 dem	4.38	16,300	71,394	4.0 ly	64.21	16,500	1,059,465	
	9 dem	4.9	16,300	79,870	□ 100	1.8 ly	33.17	16,500	547,305
	1.0 ly	5.43	16,300	88,509		2.0 ly	36.76	16,500	606,540
	1.1 ly	5.94	16,300	96,822		2.5 ly	45.67	16,500	753,555
	1.2 ly	6.46	16,300	105,298		3.0 ly	54.49	16,500	Đặt hàng trước
	1.4 ly	7.47	16,300	121,761		4.0 ly	71.74	16,500	Đặt hàng trước
	1.5 ly	7.97	16,300	129,911	5.0 ly	88.55	16,500	Đặt hàng trước	
	1.8 ly	9.44	16,500	155,760	Dung sai trọng lượng và quy cách cho phép 5%				
2.0 ly	10.4	16,500	171,600						